

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ**

Số 02 đường Độc Lập, khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị Xã Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu - 1 -

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ**

Số 02 đường Độc Lập, khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị Xã Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu - 2 -

<b>Nội dung</b>		<b>Trang</b>
Báo cáo của Hội đồng quản trị		3 – 5
Báo cáo kiểm toán độc lập		6
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Mẫu B01-DN	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Mẫu B02-DN	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Mẫu B03-DN	10 – 11
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Mẫu B09-DN	12 – 35

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trân trọng đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### **1. Khái quát Công ty**

Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ, tên tiếng nước ngoài là Phu My Water Supply Joint Stock Company, là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Xí nghiệp cấp nước Phú Mỹ thuộc Công ty Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu theo quyết định số 6023/QĐ.UB ngày 27 tháng 08 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500677525 ngày 29 tháng 11 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã đăng ký thay đổi đến lần thứ 18 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500677525 ngày 08 tháng 02 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ công ty là: 469.998.320.000 VND.

Trụ sở của Công ty đặt tại: Số 02 đường Độc Lập, khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

### **2. Hoạt động kinh doanh của Công ty**

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (ngành chính);
- Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước;
- Kinh doanh các vật tư, trang thiết bị về ngành nước;

### **3. Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

<b><u>Họ và tên</u></b>	<b><u>Chức vụ</u></b>
Ông Đinh Chí Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Lương Điền	Ủy viên
Ông Phạm Tấn Luận	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Ủy viên
Bà Vũ Thị Như Trang	Ủy viên
Ông Đặng Hồng Đăng	Ủy viên

#### **Ban kiểm soát**

<b><u>Họ và tên</u></b>	<b><u>Chức vụ</u></b>
Bà Lê Minh Đức	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tấn Long	Thành viên
Bà Đinh Thị Quỳnh Trang	Thành viên

**Ban Giám đốc**

**Họ và tên**

Ông Phạm Tấn Luận  
Ông Nguyễn Văn Mạnh  
Ông Nguyễn Châu Trúc

**Chức vụ**

Giám đốc  
Phó giám đốc  
Phó giám đốc (Ngày miễn nhiệm: 01/08/2022)

**4. Tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 07 đến trang 35).

**5. Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đinh Chí Đức – Chủ tịch HĐQT và Ông Phạm Tấn Luận – Giám đốc.

**6. Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

**7. Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

**8. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày,

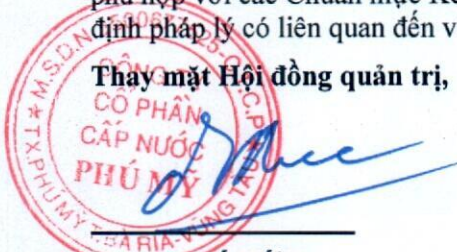
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ**

Số 02 đường Độc Lập, khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị Xã Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu - 5 -

**Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)**

phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Thay mặt Hội đồng quản trị,**



**ĐINH CHÍ ĐỨC**

**Chủ tịch**

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 03 năm 2023



Số: 56/2022/BCKT/SV-VP

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2023

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT**

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
KIỂM TOÁN  
SAO VIỆT

**Lê Việt Đăng Linh**  
Số GCNĐKH 2632-2023-107-1  
Phó Tổng Giám đốc

**Nguyễn Thị Lan Anh**  
Số GCNĐKH 4291-2023-107-1  
Kiểm toán viên

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>101.707.447.183</b>	<b>51.836.139.116</b>
	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>				
<b>I.</b>	<b>Tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>52.266.074.629</b>	<b>7.126.220.855</b>
1.	Tiền	111		46.266.074.629	7.126.220.855
2.	Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>38.437.537.822</b>	<b>34.268.566.772</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	23.466.334.522	29.558.858.486
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	13.479.093.465	490.628.988
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	1.115.000.000	740.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	377.109.835	3.479.079.298
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.377.109.395</b>	<b>5.574.242.725</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.6	7.377.109.395	5.574.242.725
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.626.725.337</b>	<b>4.867.108.764</b>
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.626.725.337	4.867.108.764
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>542.708.279.132</b>	<b>517.178.443.035</b>
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>392.046.723.550</b>	<b>376.979.705.824</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	391.016.515.243	376.381.976.675
-	Nguyên giá	222		586.767.388.583	536.863.527.562
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(195.750.873.340)	(160.481.550.887)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.030.208.307	597.729.149
-	Nguyên giá	228		2.141.198.176	1.501.198.176
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.110.989.869)	(903.469.027)
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>42.149.983.456</b>	<b>30.429.477.893</b>
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	42.149.983.456	30.429.477.893
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>102.578.525.900</b>	<b>102.578.525.900</b>
	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10	82.500.000.000	82.500.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10	20.078.525.900	20.078.525.900
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.933.046.226</b>	<b>7.190.733.418</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	5.933.046.226	7.190.733.418
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>644.415.726.315</b>	<b>569.014.582.151</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>69.396.555.737</b>	<b>62.823.010.566</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>69.396.555.737</b>	<b>62.823.010.566</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	16.410.496.933	48.501.423.635
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.446.860	1.972.675
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.062.126.248	2.508.840.730
4. Phải trả người lao động	314		4.459.189.454	5.825.729.471
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	412.290.894	291.806.180
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	248.214.189	289.117.291
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	39.910.393.450	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	5.879.397.709	5.404.120.584
<b>D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>575.019.170.578</b>	<b>506.191.571.585</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.18	<b>575.019.170.578</b>	<b>506.191.571.585</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		469.998.320.000	400.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.229.950.000	17.285.500.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.623.993.610	9.492.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		75.166.906.968	79.414.071.585
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.415.751.585	30.237.252.834
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		65.751.155.383	49.176.818.751
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>644.415.726.315</b>	<b>569.014.582.151</b>

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

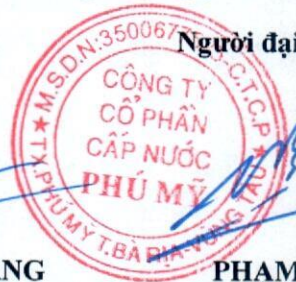
Người đại diện pháp luật



TRẦN TỐ LIÊN



VŨ THỊ NHƯ TRANG



PHẠM TẤN LUẬN

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	345.387.422.860	333.459.096.328
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		345.387.422.860	333.459.096.328
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	237.466.286.346	224.280.334.922
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		107.921.136.514	109.178.761.406
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19.346.177.477	9.105.802.216
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	863.327.513	441.652.571
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		863.327.513	441.652.571
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	15.720.548.319	10.818.659.419
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	25.599.235.100	21.527.515.939
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		85.084.203.059	85.496.735.693
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.071.822.826	280.741.860
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.259.241.831	413.575.788
13. Lợi nhuận khác	40		(187.419.005)	(132.833.928)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		84.896.784.054	85.363.901.765
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	6.617.654.061	7.778.083.014
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		78.279.129.993	77.585.818.751
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	1.709	1.707

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật

TRẦN TÓ LIÊN

VŨ THỊ NHƯ TRANG

PHẠM TẤN LUẬN

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**ĐVT: VND**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>84.896.784.054</b>	<b>85.363.901.765</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		37.342.496.004	31.524.891.960
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(18.929.896.745)	(9.330.945.216)
- Chi phí lãi vay	06		863.327.513	441.652.571
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(55.550.000)	-
<b>Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>104.117.160.826</b>	<b>107.999.501.080</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.324.350.489)	(637.781.839)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.802.866.670)	5.346.211.377
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(34.554.190.750)	16.160.295.780
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.257.687.192	(1.499.867.820)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(805.633.785)	(441.652.571)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.178.083.014)	(8.361.510.206)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.675.903.304)	(7.937.787.967)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>51.033.820.006</b>	<b>110.627.407.834</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(64.344.655.675)	(81.036.981.331)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		27.272.727	225.143.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(375.000.000)	8.260.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.888.023.266	5.907.111.232
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(45.804.359.682)</b>	<b>(66.644.727.099)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		40.000.000.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		149.829.621.200	81.300.188.400
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(109.919.227.750)	(81.300.188.400)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>39.910.393.450</b>	<b>(40.000.000.000)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		45.139.853.774	3.982.680.735
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	7.126.220.855	3.143.540.120
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	52.266.074.629	7.126.220.855

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 03 năm 2023

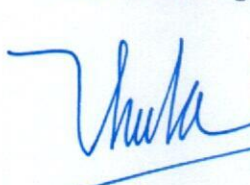
Người lập biểu

Kế toán trưởng

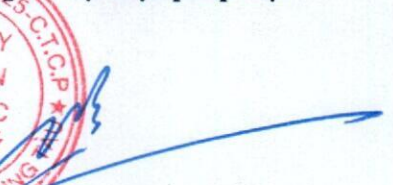
Người đại diện pháp luật



TRẦN TÔ LIÊN



VŨ THỊ NHƯ TRANG

PHẠM TẤN LUẬN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**ĐVT: VND**

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**01. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Xây dựng công trình đường ống cấp nước; Kinh doanh vật tư, trang thiết bị về ngành nước.

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**05. Cấu trúc Công ty**

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức có trụ sở chính tại Khu công nghiệp đô thị Châu Đức, xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Tại ngày kết thúc năm tài chính 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty này là 20,63%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu có trụ sở chính tại Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Tại ngày kết thúc năm tài chính 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty này là 5,07%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

**06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các thông tin và số liệu kế toán được trình bày có thể so sánh giữa các kỳ và phù hợp với hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

**07. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ năm tài chính Công ty có 67 nhân viên đang làm việc (Năm 2021 có 61 nhân viên đang làm việc)

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm**

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này*

điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****01. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**02. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo nguyên tắc sau:

+ Đối với tài sản có gốc ngoại tệ sử dụng tỷ giá mua tại thời điểm kết thúc năm tài chính của ngân hàng thương mại nơi Công ty có số dư tiền gửi lớn nhất. Tiền gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngân hàng được đánh giá theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty duy trì tài khoản ngân hàng và ký quỹ.

+ Đối với các khoản phải trả có gốc ngoại tệ sử dụng tỷ giá bán tại thời điểm kết thúc năm tài chính của ngân hàng thương mại nơi Công ty có số dư tiền gửi lớn nhất.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**03. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền**

Căn cứ xác định lãi suất thực tế: lãi suất ngân hàng thương mại.

**04. Nguyên tắc tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thời gian đáo hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**05. Nguyên tắc ghi các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, ...

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này*

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh tức là mua để bán lại để tạo lợi nhuận. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh này tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các chứng khoán vượt quá giá trị ghi sổ khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà ban điều hành Công ty đã dự đoán trước khi đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập nếu đơn vị nhận đầu tư sau đó có một khoản lợi nhuận cần trừ với các khoản lỗ trước đó đã được dự phòng. Khoản dự phòng được lập chỉ được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí tài chính trên báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

**Các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

**Ghi nhận ban đầu**

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ góp vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **06. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019. Cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này*

**07. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán chúng;

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

**08. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình.**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao của một số nhóm tài sản cụ thể như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
Máy móc thiết bị	05 – 07 năm
Phương tiện vận tải	05 – 07 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 06 năm

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**09. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình.**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này*



Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định của Công ty bao gồm:

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 15 năm.

**Chương trình phần mềm máy tính**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng từ 03 đến 08 năm.

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ và chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Chi phí sửa chữa**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

**12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo đối tượng, loại nguyên tệ phải trả, kỳ hạn phải trả và được phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn khi trình bày trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả.

**14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**15. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

***Doanh thu cung cấp nước***

Doanh thu cung cấp nước được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước và đơn giá đã được phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này*

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

**19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này*

suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

+ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

+ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tiền mặt tại quỹ</b>	<b>179.948.569</b>	<b>706.432.334</b>
Tiền mặt VND	179.948.569	706.432.334
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>46.086.126.060</b>	<b>6.419.788.521</b>
Tiền gửi VND	46.086.126.060	6.419.788.521
<b>Các khoản tương đương tiền (*)</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>52.266.074.629</b>	<b>7.126.220.855</b>

(\*) Khoản tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng BIDV với lãi suất 4,8%/năm.

**02. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Đầu tư và Khai thác Hạ tầng khu Công nghiệp Đông Xuyên và Phú Mỹ 1	2.655.123.450	3.865.521.450
Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Formosa	9.432.438.008	10.125.249.750
Chi nhánh tổng công ty Idico - CTCP tại miền đông	5.891.747.505	5.702.692.249
Công ty TNHH Posco - Việt Nam	725.550.000	1.088.718.750
Công ty TNHH Posco SS Vina	792.316.875	771.435.000
Công ty Cổ Phần Thanh Bình Phú Mỹ	577.405.100	3.217.975.425
CT TNHH hóa chất Hyosung Vina	1.253.255.588	2.409.958.688
CN Công ty TNHH Tiến Hùng - KCN Mỹ Xuân B	902.244.000	926.394.000
Các đối tượng khác	1.236.253.996	1.450.913.174
<b>Cộng</b>	<b><u>23.466.334.522</u></b>	<b><u>29.558.858.486</u></b>

**03. Trả trước người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước các bên liên quan</b>		
XN Xây Lắp - CN Công ty CP Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	1.222.174.752	103.679.652
Công ty cổ phần Cấp nước Châu Đức	9.100.000.000	-
<b>Trả trước các đối tượng khác</b>		
Công ty TNHH Giải pháp Nhà Xanh	-	209.227.536
CTCP Tư Vấn Đầu Tư - XD - XNK Hưng Thịnh Phát	2.052.467.706	-
Công ty TNHH Đo Đặc Bản Đồ Và Xây Dựng Bình Minh	649.813.007	-
Các đối tượng khác	454.638.000	177.721.800
<b>Cộng</b>	<b><u>13.479.093.465</u></b>	<b><u>490.628.988</u></b>

**04. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản phải thu về cho vay Công đoàn cơ sở	1.115.000.000	740.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.115.000.000</u></b>	<b><u>740.000.000</u></b>

**05. Phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	8.334.795	6.244.384
Cổ tức phải thu	-	3.192.446.600

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này

Tạm ứng của nhân viên	160.000.000	175.518.225
BHXH phải thu lại nhân viên	57.813.000	54.915.000
Phí bảo vệ môi trường chi dư	49.450.621	-
Các khoản khác	101.511.419	49.955.089
<b>Cộng</b>	<b>377.109.835</b>	<b>3.479.079.298</b>

**06. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	7.253.799.635	5.574.242.725
Hàng hoá	123.309.760	-
<b>Cộng</b>	<b>7.377.109.395</b>	<b>5.574.242.725</b>

**07. Tài sản cố định hữu hình**

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng công</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu kỳ	59.094.700.532	25.708.584.537	445.537.137.323	6.523.105.170	536.863.527.562
Tăng trong kỳ	2.869.122.039	2.746.587.410	40.526.013.478	5.842.427.185	51.984.150.112
- Mua	-	750.934.350	-	5.842.427.185	6.593.361.535
- XDCB hoàn thành	2.869.122.039	1.995.653.060	40.526.013.478	-	45.390.788.577
Giảm trong kỳ	-	-	2.080.289.091	-	2.080.289.091
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.080.289.091	-	2.080.289.091
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>61.963.822.571</b>	<b>28.455.171.947</b>	<b>483.982.861.710</b>	<b>12.365.532.355</b>	<b>586.767.388.583</b>
<b>KHẤU HAO LUỸ KẾ</b>					
Số đầu kỳ	21.559.261.304	14.514.045.364	121.265.322.676	3.142.921.543	160.481.550.887
Tăng trong kỳ	3.560.274.005	2.496.820.474	29.998.168.994	1.079.711.689	37.134.975.162
- Khấu hao	3.560.274.005	2.496.820.474	29.998.168.994	1.079.711.689	37.134.975.162
Giảm trong kỳ	-	-	1.865.652.709	-	1.865.652.709
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.865.652.709	-	1.865.652.709
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>25.119.535.309</b>	<b>17.010.865.838</b>	<b>149.397.838.961</b>	<b>4.222.633.232</b>	<b>195.750.873.340</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu kỳ	37.535.439.228	11.194.539.173	324.271.814.647	3.380.183.627	376.381.976.675
Số cuối kỳ	36.844.287.262	11.444.306.109	334.585.022.749	8.142.899.123	391.016.515.243

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này

## 08. Tài sản cố định vô hình

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Quyền sử dụng</u>	<u>Phần mềm máy</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu kỳ	180.000.000	1.321.198.176	1.501.198.176
Tăng trong kỳ	-	640.000.000	640.000.000
- Mua	-	640.000.000	640.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	180.000.000	1.961.198.176	2.141.198.176
<b>KHẤU HAO LUỸ KẾ</b>			
Số đầu kỳ	49.000.000	854.469.027	903.469.027
Tăng trong kỳ	12.000.000	195.520.842	207.520.842
- Khấu hao	12.000.000	195.520.842	207.520.842
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	61.000.000	1.049.989.869	1.110.989.869
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu kỳ	131.000.000	466.729.149	597.729.149
Số cuối kỳ	119.000.000	911.208.307	1.030.208.307

## 09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối kỳ
Chi phí xây dựng dở dang	30.379.102.383	61.973.864.610	49.777.735.750	425.247.787	42.149.983.456
Mua sắm TSCĐ	-	5.801.147.185	5.801.147.185	-	-
Các công trình tuyến ống	30.379.102.383	56.172.717.425	43.976.588.565	425.247.787	42.149.983.456
Sửa chữa lớn TSCĐ	50.375.510	193.075.486	-	243.450.996	-
<b>Cộng</b>	<b>30.429.477.893</b>	<b>62.166.940.096</b>	<b>49.777.735.750</b>	<b>668.698.783</b>	<b>42.149.983.456</b>

## 10. Đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức (*)	82.500.000.000	-	82.500.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (**)	20.078.525.900	-	20.078.525.900	-
<b>Cộng</b>	<b>102.578.525.900</b>	<b>-</b>	<b>102.578.525.900</b>	<b>-</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này

(\*) Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500823617, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 24 tháng 08 năm 2022 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức 82.500.000.000 VND, tương đương 20,63% vốn điều lệ.

(\*\*) Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500101386, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 26 tháng 10 năm 2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu 20.078.525.900 VND, tương đương 5,07% vốn điều lệ.

**Giá trị hợp lý**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Tình hình hoạt động của công ty liên kết**

Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức hiện đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

**Giao dịch với công ty liên kết**

Công ty phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua thành phẩm nước sản xuất	177.032.583.000	166.831.728.000
Mua dịch vụ thi công công trình	7.424.360.344	20.692.174.310
Cổ tức được chia	15.468.750.000	-
Cổ tức phải trả	14.615.080.000	14.615.080.000
Góp vốn	14.615.080.000	-

**Giao dịch với đơn vị nhận góp vốn khác**

Công ty phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua thành phẩm nước sản xuất	-	6.279.000
Mua dịch vụ thi công công trình	1.748.310.500	518.266.680
Xuất bán vật tư công trình	159.633.552	-
Cổ tức được chia	3.648.510.400	8.665.212.200
Cổ tức phải trả	7.103.034.000	7.103.034.000
Góp vốn	7.103.034.000	-
Cung cấp dịch vụ khác	64.814.815	4.337.568.034

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này*



## 11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ, Giảm trong năm	Số cuối năm
Chi phí sản xuất	-	720.000.000	48.000.000	672.000.000
Chi phí sửa chữa	2.545.290.935	1.088.929.802	1.808.453.643	1.825.767.094
Tuyển ồng dịch vụ	2.407.500.991	574.086.574	1.191.118.419	1.790.469.146
Thiết bị quản lý	1.282.129.746	334.410.000	671.466.207	945.073.539
CCDC quản lý	955.811.746	399.628.335	655.703.634	699.736.447
<b>Cộng</b>	<b>7.190.733.418</b>	<b>3.117.054.711</b>	<b>4.374.741.903</b>	<b>5.933.046.226</b>

## 12. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>Phải trả bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa-Vũng Tàu	-	4.041.324.837
Công ty cổ phần Cấp nước Châu Đức	14.336.020.650	37.769.581.643
<b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>		
Công ty TNHH Xây dựng SX TMDV Lan Thanh	1.387.831.104	-
Công ty TNHH Cấp Nước Tóc Tiên	414.513.750	1.808.913.750
CTCP Tư Vấn Đầu Tư - XD - XNK Hưng Thịnh Phát	-	2.357.396.156
Công ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất	-	617.161.160
Một số nhà cung cấp khác	272.131.429	1.907.046.089
<b>Cộng</b>	<b>16.410.496.933</b>	<b>48.501.423.635</b>

## 13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.778.083.014	6.617.654.061	7.178.083.014	1.217.654.061
Thuế thu nhập cá nhân	72.324.865	2.969.957.683	2.870.329.860	171.952.688
Thuế tài nguyên	264.273.441	2.488.636.755	2.530.639.115	222.271.081
Phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt phải nộp	394.159.410	5.443.962.858	5.387.873.850	450.248.418
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.508.840.730</b>	<b>17.523.211.357</b>	<b>17.969.925.839</b>	<b>2.062.126.248</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này

**Thuế GTGT**

Công ty kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế GTGT như sau:

- Hoạt động cung cấp nước	05 %
- Hoạt động thi công lắp đặt và cung cấp vật tư trang thiết bị ngành nước	10 %

**Thuế TNDN**

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất 10% kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo. Năm 2015 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp. Từ năm 2016 đến 2019 Công ty được hưởng ưu đãi theo địa bàn với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%. Từ năm 2020, doanh nghiệp hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp phân thu nhập từ thực hiện lĩnh vực xã hội hóa hoạt động cung cấp nước sạch là 10%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%

**Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới mặt đất với các mức thuế suất như sau:

- Sử dụng nước dưới đất khai thác dùng vào mục đích khác	08 %
- Sử dụng nước dưới đất phục vụ sản xuất	05 %

**Thuế nhà đất**

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Phí bảo vệ môi trường**

- Mức phí nước thải sinh hoạt là 10% trên giá nước hiện hành của Công ty cung cấp nước cho các đối tượng dùng nước máy. Toàn bộ phí nước thải phải nộp vào ngân sách Nhà nước sau khi trừ chi phí cho công tác thu phí là 10% trên tổng số phí nước thải theo Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo quy định

**14. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí bảo vệ môi trường	74.389.120	75.762.180
Chi phí lãi vay	41.518.809	-
Chi phí tiền điện tháng 12	247.144.870	-
Chi phí phải trả khác	49.238.095	216.044.000
<b>Cộng</b>	<b><u>412.290.894</u></b>	<b><u>291.806.180</u></b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này

**15. Phải trả khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phí bảo vệ môi trường được hưởng	-	274.566.494
Kinh phí công đoàn phải nộp	32.628.000	-
Phải trả tiền mua cổ phiếu phát hành nộp thừa chờ hoàn lại	200.612.600	-
Các khoản phải trả khác	14.973.589	14.550.797
<b>Cộng</b>	<b>248.214.189</b>	<b>289.117.291</b>

**16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Năm nay	Năm trước
<b>Số đầu kỳ</b>	-	-
Kết chuyển từ nợ dài hạn	-	-
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	149.829.621.200	81.300.188.400
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(109.919.227.750)	(81.300.188.400)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>39.910.393.450</b>	-

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01-2022/HDCVHM/PMW ngày 26/01/2022.

- Hạn mức vay : 50.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Lãi suất : cố định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay và theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.
- Thời gian vay : 04 tháng (kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân được ghi trên từng Giấy nhận nợ.);
- Tài sản đảm bảo : Không có tài sản đảm bảo.

**17. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Số đầu kỳ	Trích lập từ lợi nhuận trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3.060.381.025	5.390.981.000	4.772.993.000	3.678.369.025
Quỹ phúc lợi	753.739.559	1.450.000.000	1.492.710.875	711.028.684
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.590.000.000	2.555.000.000	2.655.000.000	1.490.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.404.120.584</b>	<b>9.395.981.000</b>	<b>8.920.703.875</b>	<b>5.879.397.709</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ**

Số 02 đường Độc Lập, khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị Xã Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu

*Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**ĐVT: VND****18. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số đầu kỳ trước</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>17.285.500.000</b>	<b>6.390.000.000</b>	<b>54.777.553.575</b>	<b>478.453.053.575</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	77.585.818.751	77.585.818.751
Truy thu thuế	-	-	-	(540.300.741)	(540.300.741)
Chia cổ tức	-	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.102.000.000	(3.102.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(9.307.000.000)	(9.307.000.000)
<b>Số cuối kỳ trước/</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>17.285.500.000</b>	<b>9.492.000.000</b>	<b>79.414.071.585</b>	<b>506.191.571.585</b>
<b>Số đầu kỳ này</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>40.000.000.000</b>
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	29.998.320.000	-	-	(29.998.320.000)	-
Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	-	-	-	-	-
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(55.550.000)	-	-	(55.550.000)
Lãi trong năm nay	-	-	-	78.279.129.993	78.279.129.993
Chia cổ tức	-	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.131.993.610	(3.131.993.610)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(9.395.981.000)	(9.395.981.000)
<b>Số cuối kỳ này</b>	<b>469.998.320.000</b>	<b>17.229.950.000</b>	<b>12.623.993.610</b>	<b>75.166.906.968</b>	<b>575.019.170.578</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số vốn	Tỉ lệ	Số vốn	Tỉ lệ
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	83.460.640.000	17,76%	71.030.340.000	17,76%
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	171.727.190.000	36,54%	146.150.800.000	36,54%
Ông Nguyễn Chiến Thắng	5.071.470.000	1,08%	4.316.150.000	1,08%
Bà Nguyễn Thị Trinh	2.319.270.000	0,49%	1.973.860.000	0,49%
Bà Võ Thị Khánh Vân	6.728.300.000	1,43%	5.726.220.000	1,43%
Ông Đinh Chí Đức	3.863.010.000	0,82%	3.287.680.000	0,82%
Ông Nguyễn Lương Điền	2.779.830.000	0,59%	2.365.820.000	0,59%
Ông Lê Minh Đức	2.226.670.000	0,47%	2.071.330.000	0,52%
Cổ đông cá nhân khác	191.821.940.000	40,81%	163.077.800.000	40,77%
<b>Cộng</b>	<b>469.998.320.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**c. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>46.999.832</b>	<b>40.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>		
Cổ phiếu phổ thông	46.999.832	40.000.000
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	46.999.832	40.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/04/2022 của Công ty, Công ty đã và sẽ thực hiện phát hành thêm cổ phần mới để thực hiện tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 đồng lên đến 500.000.000.000 đồng, tương ứng việc phát hành thêm cổ phiếu với tổng mệnh giá 100.000.000.000 đồng, tương đương 10.000.000 cổ phần thông qua phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này

Mục đích phát hành:

STT	Phương án phát hành	Số lượng cổ phần phát hành (cổ phần)	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Mục đích phát hành
1	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	3.000.000	30.000.000.000	Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu
2	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	4.000.000	40.000.000.000	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Cụ thể là chi trả tiền mua nước cho các đơn vị cung cấp
3	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	3.000.000	30.000.000.000	Bổ sung nhu cầu vốn thực tế cho dự án đầu tư xây dựng công trình "Tuyến ống truyền tải nước sạch D600 đường quy hoạch S - Thị xã Phú Mỹ - tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu"
<b>Tổng cộng</b>		<b>10.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty Cổ phần Cấp Nước Phú Mỹ đã hoàn thành Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với số lượng cổ phiếu phát hành là **2.999.832 cổ phiếu** tại ngày 29 tháng 11 năm 2022 và chào bán thành công **4.000.000 cổ phiếu** tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu tại ngày 27 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước có văn bản chấp nhận chào bán thành công số 05/UBCK-QLCB ngày 05 tháng 01 năm 2023.

#### 19. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 04 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Số được phân phối	Số đã phân phối năm trước	Số còn được phân phối năm nay
Trích Quỹ đầu tư phát triển	3.102.000.000	3.102.000.000	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.307.000.000	9.307.000.000	-
Chia cổ tức bằng tiền	56.000.000.000	16.000.000.000	40.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>68.409.000.000</b>	<b>28.409.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thành phẩm nước	344.105.403.435	332.281.281.600
Doanh thu thi công lắp đặt	532.143.873	1.162.926.728
Doanh thu cung cấp vật tư ngành nước	749.875.552	14.888.000
<b>Cộng</b>	<b>345.387.422.860</b>	<b>333.459.096.328</b>

**02. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm nước	236.096.313.104	223.098.203.410
Giá vốn thi công lắp đặt	575.225.075	1.162.334.510
Giá vốn cung cấp vật tư ngành nước	794.748.167	19.797.002
<b>Cộng</b>	<b>237.466.286.346</b>	<b>224.280.334.922</b>

**03. Doanh thu tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức được chia	19.117.260.400	8.665.212.200
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	228.917.077	440.590.016
<b>Cộng</b>	<b>19.346.177.477</b>	<b>9.105.802.216</b>

**04. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	863.327.513	441.652.571
<b>Cộng</b>	<b>863.327.513</b>	<b>441.652.571</b>

**05. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.856.047.556	4.229.580.221
Chi phí lắp mới đồng hồ nước cho khách hàng	2.186.851.463	1.293.144.319
Chi phí lắp mới tuyến ống dịch vụ	1.191.118.419	410.917.859
Chi phí bảo trì, sửa chữa, di dời	2.005.582.734	1.755.306.483
Chi phí bảo hành đồng hồ nước	2.967.554.254	1.297.284.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	942.976.384	542.454.413
Chi phí bằng tiền khác	1.570.417.509	1.289.971.206
<b>Cộng</b>	<b>15.720.548.319</b>	<b>10.818.659.419</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này

**06. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	16.337.763.814	13.085.822.674
Chi phí vật liệu quản lý	282.577.911	358.722.679
Chi phí đồ dùng văn phòng	858.972.901	671.420.432
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.083.211.543	574.101.644
Thuế, phí và lệ phí	180.389.787	193.938.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.047.052.657	3.072.143.038
Chi phí bằng tiền khác	2.809.266.487	3.571.367.401
<b>Cộng</b>	<b>25.599.235.100</b>	<b>21.527.515.939</b>

**07. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Bảo Việt nhân thọ trả lại phí bảo hiểm	-	55.555.132
Thu nhập thanh lý TSCĐ, hàng tồn kho	-	225.186.728
Phí bảo vệ môi trường được hưởng	1.071.822.826	-
<b>Cộng</b>	<b>1.071.822.826</b>	<b>280.741.860</b>

**08. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Tiền chậm nộp thuế	55.350	413.575.788
Chi phí thanh lý tài sản cố định	187.363.655	-
Chi phí Bảo vệ môi trường để lại	1.071.822.826	-
<b>Cộng</b>	<b>1.259.241.831</b>	<b>413.575.788</b>

**09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	84.896.784.054	85.363.901.765
Các khoản điều chỉnh tăng	397.016.950	479.375.788
Chi phí không được trừ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp	397.016.950	479.375.788
Các khoản điều chỉnh giảm	(19.117.260.400)	(8.665.212.200)
Cổ tức, lợi nhuận từ các công ty con, liên kết	(19.117.260.400)	(8.665.212.200)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>66.176.540.604</b>	<b>77.178.065.353</b>
Lỗ chịu thuế các năm trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập tính thuế năm hiện hành</b>	<b>66.176.540.604</b>	<b>77.178.065.353</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này



Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	13.235.308.121	15.435.613.071
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác với thuế suất phổ thông (Thuế suất 10%)	(6.617.654.060)	(7.657.530.057)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6.617.654.061</b>	<b>7.778.083.014</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế TNDN	78.279.129.993	77.585.818.751
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(9.395.981.000)	(9.307.000.000)
<b>Lợi nhuận tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>68.883.148.993</b>	<b>68.278.818.751</b>
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	40.315.053	40.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.709</b>	<b>1.707</b>

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	197.947.089.367	186.047.508.458
Chi phí nhân công	30.099.574.936	24.893.961.689
Chi phí khấu hao TSCĐ	37.342.496.004	31.524.891.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.851.146.584	4.433.948.444
Chi phí bằng tiền khác	7.545.762.874	9.726.199.729
<b>Cộng</b>	<b>278.786.069.765</b>	<b>256.626.510.280</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên chủ quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ**

- 34 -

Số 02 đường Độc Lập, khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị Xã Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu

**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**ĐVT: VND**

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay
<b>Các thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Ông Đinh Chí Đức	Chủ tịch	410.000.000
Ông Nguyễn Lương Điền	Thành viên	330.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên	330.000.000
Ông Đặng Hồng Đăng	Thành viên	1.285.726.400
<b>Các thành viên Ban kiểm soát</b>		
Bà Lê Minh Đức	Trưởng ban	310.000.000
Ông Nguyễn Tấn Long	Thành viên	1.159.388.800
Bà Đinh Thị Quỳnh Trang	Thành viên	260.000.000
<b>Các thành viên Ban điều hành, quản lý</b>		
Ông Phạm Tấn Luận	Giám đốc kiêm TV HĐQT	1.710.839.600
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó giám đốc kiêm TV HĐQT	1.591.333.200
Ông Nguyễn Châu Trục	Phó giám đốc (Ngày miễn nhiệm 01/08/2022)	1.185.026.800
Bà Vũ Thị Như Trang	Kế toán trưởng kiêm TV HĐQT	1.155.213.600
Ông Nguyễn Trọng Hải	Người phụ trách quản trị (Ngày miễn nhiệm 07/07/2022)	636.903.800
<b>Cộng</b>		<b>10.364.432.200</b>

**b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Danh sách các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng	Cổ đông
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	Cổ đông

Các giao dịch phát sinh với các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số V.10

Việc mua hàng hoá, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thoả thuận.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này

Công nợ chủ yếu với các bên liên quan khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>Số dư</b>
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	Vốn chủ sở hữu	83.460.640.000
	Tạm ứng trước	1.222.174.752
	Góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	20.078.525.900
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	Vốn chủ sở hữu	171.727.190.000
	Phải trả người bán	14.336.020.650
	Tạm ứng trước	9.100.000.000
	Góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	82.500.000.000

**02. Khả năng hoạt động liên tục**

Khả năng tiếp tục hoạt động của doanh nghiệp được gọi là giả định hoạt động liên tục là sự độc lập về khả năng tài chính từ các nhà đầu tư dẫn đến sự độc lập của sự thành bại của doanh nghiệp trong tương lai.

Vào thời điểm của báo cáo này, không có lý do nào để Hội đồng quản trị tin rằng Công ty sẽ không thể tiếp tục hoạt động bình thường. Do đó, các báo cáo tài chính giữa niên độ được lập không chứa đựng bất kỳ một khoản điều chỉnh nào mà có liên quan sự đảm bảo, sự phân loại tài sản và sự phân loại của các nghĩa vụ mà được xem là thiết yếu nếu không có sự điều chỉnh này thì Công ty sẽ lâm vào tình trạng không thể hoạt động bình thường. Giả định này được xem là những giả thiết căn cứ vào những sự kiện trong tương lai, mà hậu quả của nó vốn đã thể hiện không rõ ràng.

**03. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

**04. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật

TRẦN TÓ LIÊN

VŨ THỊ NHƯ TRANG

PHẠM TẤN LUẬN

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời báo cáo này